|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**    Số: /2025/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo

Ngày .../4/2025

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024.*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ**

1. Sửa đổi, bổ sung **khoản 6,** khoản 9 Điều 3 như sau:

“6. Khai thác tận dụng là việc chặt hạ cây rừng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, nghiên cứu khoa học; giải phóng mặt bằng dự án khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tạm sử dụng rừng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt**; thanh lý rừng trồng; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 51 Luật Lâm nghiệp.”

“9. Tạm sử dụng rừng là việc sử dụng rừng để thực hiện thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện; **thi công công trình tạm phục vụ thi công** **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về **đầu tư**, **đầu tư công**, xây dựng, điện lực, **giao thông** và ~~các~~ pháp luật khác có liên quan nhưng không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích tạm sử dụng rừng.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 như sau:

“5. Khai thác tận dụng trong trường hợp diện tích rừng được sử dụng để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng hoặc để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** theo quy định.

a) Đối tượng:

Lâm sản trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng hoặc để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** theo quy định.

b) Điều kiện:

Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng phải có quyết định phê duyệt dự án, công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng tạm sử dụng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** phải có quyết định phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng của cấp có thẩm quyền.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

“4. Khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên, rừng trồng

a) Đối tượng: cây gỗ trên diện tích rừng được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định; cây gỗ phải chặt hạ khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, phục vụ công tác đào tạo và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; cây gỗ trên diện tích rừng trồng thanh lý; cây gỗ trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng và diện tích rừng sử dụng tạm để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** theo quy định.

b) Điều kiện: có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định phê duyệt dự án lâm sinh, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, quyết định thanh lý rừng trồng; quyết định phê duyệt dự án, công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng; quyết định phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên

a) Đối tượng: cây gỗ trên diện tích rừng được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định; cây gỗ chặt hạ khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, phục vụ công tác đào tạo và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; cây gỗ trên diện tích rừng trồng thanh lý; cây gỗ trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng và trên diện tích rừng tạm sử dụng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** theo quy định.

b) Điều kiện: có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định phê duyệt dự án lâm sinh, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, quyết định thanh lý rừng trồng; quyết định phê duyệt dự án, công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng; quyết định phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Khai thác tận dụng gỗ rừng trồng

a) Đối tượng: cây gỗ trên diện tích rừng được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định; cây gỗ chặt hạ khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, phục vụ công tác đào tạo và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; cây gỗ trên diện tích rừng trồng thanh lý; cây gỗ trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng và trên diện tích rừng tạm sử dụng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** theo quy định.

b) Điều kiện: rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu phải có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định phê duyệt dự án lâm sinh, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; quyết định thanh lý rừng trồng; quyết định phê duyệt dự án, công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng và quyết định phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện, **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

**6**. Bổ sung Điều 42a như sau:

“**Điều 42a. Tạm sử dụng rừng**

1. Điều kiện phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng

Khi phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng, dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án lưới điện; **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư.

b) Trường hợp dự án có cả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác (đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng). Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng có tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

c) Chỉ cho phép tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng trên diện tích có rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng và chặt hạ cây rừng trong phạm vi diện tích được tạm sử dụng (không chặt hạ cây rừng có đường kính từ ~~20~~ **25** cm trở lên ở vị trí từ mặt đất đến vị trí 1,3m của thân cây).

d) Diện tích tạm sử dụng phải được điều tra, đánh giá về hiện trạng, trữ lượng, tác động của việc tạm sử dụng rừng đối với hệ sinh thái rừng. Nội dung tác động vào rừng, trồng lại rừng, phục hồi rừng phải được thể hiện đầy đủ, chi tiết trong Phương án tạm sử dụng rừng.

đ) Thời gian tạm sử dụng rừng phải được xác định rõ trong văn bản đề nghị quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng; không quá thời gian thực hiện dự án.

e) Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm; không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật; không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

g) Việc trồng lại rừng được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian tạm sử dụng rừng kết thúc trong Phương án tạm sử dụng rừng được phê duyệt; bảo đảm diện tích rừng được phục hồi đáp ứng tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng để thực hiện các hạng mục công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện; **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Trong trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản và chỉ phê duyệt khi được sự đồng ý của bộ, ngành chủ quản.

3. Hồ sơ

Hồ sơ đề nghị phê duyệt tạm sử dụng rừng gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư;

c) Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;

d) Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng

a) Chủ đầu tư dự án có văn bản đề nghị quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Sở Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường**.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, **Sở Nông nghiệp và Môi trường** trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường**: kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng và tổ chức thẩm định Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (hồ sơ trình được quy định tại khoản 3 Điều này và báo cáo thẩm định).

c) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành, trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường**, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản. Hồ sơ lấy ý kiến gồm: Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, báo cáo thẩm định và hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành chủ quản có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng

a) Dự án thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì không phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng. Nhưng chủ đầu tư dự án phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ rừng về việc thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng.

b) Dự án có thay đổi nội dung Phương án tạm sử dụng rừng đã được phê duyệt không thuộc quy định tại điểm a khoản này phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng. Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình quyết định phê duyệt điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này. Đối với thành phần hồ sơ không có sự thay đổi về nội dung so với thành phần hồ sơ trình phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thì không phải nộp lại thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Thẩm quyền điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Khai thác tận dụng lâm sản và trồng lại rừng

a) Khai thác rừng trên diện tích tạm sử dụng rừng áp dụng theo quy định về khai thác tận dụng lâm sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường** về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

b) Chủ dự án có trách nhiệm trồng lại rừng sau khi tạm sử dụng rừng. Việc trồng lại rừng, nghiệm thu rừng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường** về các biện pháp lâm sinh; về quản lý đầu tư công trình lâm sinh; đối với rừng tự nhiên chỉ được trồng lại rừng bằng cây bản địa.”

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**2. Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành**.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường** thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước, kiểm tra việc thực hiện tạm sử dụng rừng theo quy định tại Nghị định này; kịp thời giải quyết các vướng mắc theo thẩm quyền, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

2. Bộ Công Thương chỉ đạo việc lập, điều chỉnh các quy hoạch điện, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư các dự án lưới điện theo thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc hạn chế tối đa việc tạm sử dụng rừng, nhất là rừng tự nhiên khi xây dựng các dự án lưới điện.

**3. Bộ Xây dựng chỉ đạo việc lập, điều chỉnh các quy hoạch đường giao thông, quy hoạch đường sắt, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư các dự án giao thông, dự án đường sắt theo thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc hạn chế tối đa việc tạm sử dụng rừng, nhất là rừng tự nhiên khi xây dựng các dự án đường giao thông, đường sắt.**

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng và điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng; kiểm tra việc thực hiện tạm sử dụng rừng của tổ chức, chủ đầu tư dự án; chịu trách nhiệm nếu vi phạm các điều kiện phê duyệt, điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng, nếu để xảy ra chặt, phá, mất rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng do triển khai Phương án tạm sử dụng rừng; định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả tạm sử dụng rừng về Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và ~~phát triển nông thôn~~ **Môi trường**.

b) Chỉ đạo cơ quan lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư, chủ rừng trong quá trình triển khai Phương án tạm sử dụng rừng được phê duyệt, kiểm tra việc trồng lại rừng, đánh giá, nghiệm thu kết quả trồng lại rừng sau tạm sử dụng rừng.

5. Chủ đầu tư dự án ~~lưới điện~~: Chỉ được tác động vào rừng để triển khai xây dựng các công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện; **dự án quan trọng quốc gia về đường giao thông, đường sắt** sau khi Phương án tạm sử dụng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng Phương án tạm sử dụng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra mất rừng, chặt phá rừng, hủy hoại hệ sinh thái, môi trường trong quá trình thi công các công trình tạm.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, NN. | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG** |

**PHỤ LỤC I**

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH) PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2025 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……./… | *…, ngày* *… tháng ...* *năm* *….* |

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)   
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG  
để thực hiện Dự án ………………**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp……

*Căn cứ Nghị định số .... /2025/NĐ-CP ngày* *… tháng* *… năm 2025 của* *Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số… /QĐ-…. ngày* *… tháng* *…. năm* *… của* *…. về* *việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định số .../QĐ-…. ngày* *…. tháng* *…. năm* *…. của* *…. về việc phê duyệt dự án đầu tư* *….;*

*Căn cứ Quyết định số* *…./QĐ-…. ngày .... tháng .... năm ... của .... về việc* *phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc Quyết định số* *…./QĐ-…. ngày…. tháng ... năm* *….của .... về việc quyết định* *chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án….….*

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án (chữ in hoa): (1) ….….….….….….….….

- Địa chỉ trụ sở chính: ….….….….…….….….….…….….….….…….….

- Điện thoại: ….….….….…….….….….…….….….….…….….….….…

- Họ và tên người đại diện: ….….….….…….….….….…….….….….....

+ Chức vụ: ….….….….…….….….….…….….….….…….….….….…

+ Số CCCD: ….….….….…….….…ngày, tháng, năm cấp: ….….….….…

+ Nơi cư trú: ….….….….…….….….….…….….….….…….….….….…

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp ….….….….… xem xét, quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Phương án tạm sử dụng rừng như sau:

1. Các thông tin về tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng):

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính); diện tích rừng (ha); loại rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); nguồn gốc hình thành (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc tạm sử dụng rừng….….….….…….….….….… (2)

c) Thời gian tạm sử dụng rừng: Từ ngày … tháng … năm .... đến ngày… tháng … năm …

**d) Kinh phí và nguồn kinh phí khai thác rừng: ………………………**

2. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):

3. Về trồng lại rừng, phục hồi rừng

Nêu rõ việc trồng lại rừng, phục hồi rừng; ~~và~~ kinh phí **và nguồn kinh phí** trồng rừng, ….….….….…

4. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

5. Hồ sơ

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 3 (hoặc khoản 5) Điều 42a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản **6** Điều 1 Nghị định số ….…./2025/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2025 của Chính phủ kèm theo, gồm: ….….….….…

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, ….….….….… (3) kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp ….….….….…xem xét, phê duyệt.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……., *ngày* *… tháng* *… năm* *…* **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN** *(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2) Ghi rõ mục đích tạm sử dụng rừng: Để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm thực hiện Dự án….….….….…,

(3) Ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

**PHỤ LỤC II**

PHƯƠNG ÁN (HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN) TẠM SỬ DỤNG RỪNG  
*(Kèm theo Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2025 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN LẬP PHƯƠNG ÁN** ------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --------------- |
| Số: ……./… | …, ngày … tháng ... năm …. |

**PHƯƠNG ÁN**

**Tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)  
để thực hiện Dự án…………………**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp………………

*Căn cứ Nghị định số..../2025/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số* *156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của* *Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.......ngày … tháng … năm … của … về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-… ngày … tháng … năm… của … về việc phê duyệt dự án đầu tư…..;*

*Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.......ngày … tháng … năm … của … về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc Quyết định số...../QĐ-.......ngày … tháng … năm … của … về việc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án………..;*

Căn cứ ……………………………………………… (1) lập Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm thực hiện Dự án …………, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, phê duyệt, như sau:

**1. Về vị trí, diện tích, loại rừng, trữ lượng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)**

**a)** Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.

**b)** Diện tích phân theo:

- Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên, rừng trồng.

**c)** Trữ lượng rừng:

**d)** Loài cây đối với rừng trồng:

**2. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có): ……………**

**3. Phương án xử lý cây rừng trên phạm vi diện tích tạm sử dụng rừng**

a) Phương thức tác động: ……………………………………………………

b) Khai thác tận dụng lâm sản trên diện tích tạm sử dụng rừng……………

**c) Kinh phí, nguồn kinh phí khai thác rừng: ………………………**

d) Phương thức thu hồi tài sản tận dụng lâm sản……………………………

đ) Đấu giá tài sản Nhà nước (nếu có) ………………………………………

e) Nội dung liên quan khác (nếu có) ……………………………………

**4. Thời gian tạm sử dụng rừng:**

Từ ngày … tháng ... năm.... đến ngày … tháng … năm …

**5. Nội dung trồng lại diện tích rừng**

a) Biện pháp trồng rừng: Thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và **Môi trường**  ~~Phát triển nông thôn~~ về các biện pháp kỹ thuật lâm sinh……………………

b) Thời gian trồng rừng, hoàn trả, bàn giao cho chủ rừng: …………………

c) Nghiệm thu rừng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và **Môi trường** ~~Phát triển nông thôn~~ về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh……………………

d) Kinh phí trồng rừng: ……………………………………………………

đ) ……………………………………………………………………………

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, …………………… (2) kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp ……………………xem xét, phê duyệt./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ……….; - Lưu: VT,….. | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LẬP PHƯƠNG ÁN** (Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ) |

Ghi chú:

(1) và (2) ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

**PHỤ LỤC III**

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG*(Kèm theo Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2025 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH/TP……… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:        /QĐ-UBND | *…, ngày* *… tháng ...* *năm* *….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để thực hiện Dự án………………**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng ... năm ....; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ………..;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số .... /2025/NĐ-CP ngày* *… tháng ....* *năm 2025 của* *Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số….. (các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư* *hoặc quyết định phê duyệt dự án)….;*

*Căn cứ Quyết định số* *…./QĐ-.... ngày... tháng....năm.... của ....về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc Quyết định số ..../QĐ-.......ngày.................................................. …tháng* *… năm* *…. của* *… về việc quyết định chuyển* *mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án...;*

*Căn cứ Phương án (hoặc điều chỉnh Phương án) tạm sử dụng rừng để thực hiện Dự án* *…… ngày* *… tháng .. năm 20… của* *…….;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và ~~Phát triển nông thôn~~* ***Môi trường*** *tại văn bản số......*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) đối với diện tích ....ha rừng (gồm: rừng tự nhiên .... ha; rừng trồng....ha) để thực hiện công trình xây dựng tạm của Dự án………, trong đó:

- Rừng đặc dụng … ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng … ha); rừng phòng hộ … ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha); rừng sản xuất.... ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha).

- Trữ lượng rừng: ……….; loài cây đối với rừng trồng.

- Vị trí: ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.

- Thời gian tạm sử dụng rừng: từ ngày … đến ngày ….

- Về trồng lại, phục hồi rừng: nội dung trồng lại rừng, phục hồi rừng, kinh phí **và nguồn kinh phí** trồng lại rừng, phục hồi rừng, thời gian trồng lại rừng, phục hồi rừng,………………

**- Về khai thác rừng, kinh phí và nguồn kinh phí khai thác rừng,…..**

*(Chi tiết thông tin tại Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng kèm theo).*

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 3 (hoặc khoản 5) Điều 42a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản ~~2~~ **6** Điều 1 Nghị định số ..../2025/NĐ-CP ngày … tháng …. năm 2025 của Chính phủ kèm theo, gồm:..

**Điều 2.**Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:……………….………………

2. Chủ dự án: ……………….……………….……………….……………

3. Chủ rừng: ……………….……………….……………….……………

4 ……………….……………….……………….……………….…………

**Điều 3.**Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/tp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và ~~Phát triển nông thôn~~ **Môi trường**, ……………….và tổ chức đề nghị tạm sử dụng rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Hội đồng nhân dân (để b/c); - Sở: NN&MT, ...; - ….. | **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)* |